

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM NGỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Cẩm Ngọc, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Ngọc năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Thủy;

UBND xã Cẩm Ngọc báo cáo kết quả thực hiện chương trình chuyển đổi số năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 về việc thực hiện chuyển đổi số như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

Căn cứ Kế hoạch số 127/KH-UBND, ngày 23/10/2021 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ kết quả thực hiện chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin năm 2023, UBND xã tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, trong đó đánh cụ thể mục tiêu đã hoàn thành, chưa hoàn thành theo kế hoạch, mức độ hoàn thành mục tiêu theo Kế hoạch 5 năm của các sở, ban, ngành, địa phương; đánh giá những khó khăn, hạn chế, hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin đề xuất những giải pháp thúc đẩy trong thời gian tới.

Các nội dung đánh giá chính bao gồm:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Thực hiện đánh giá các mục tiêu đạt được năm 2023 theo Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 272/KHUBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐUBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của Bộ chủ quản

Kế hoạch số 127/KH-UBND, ngày 23/10/2021 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc chuyển đổi số trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Việc tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được triển khai tại các Hội nghị, giao ban; hội nghị trực tuyến từ cấp huyện tới cấp xã. UBND xã đã xây dựng kế hoạch số: 51/KH-UBND, ngày 08 tháng 8 năm 2023 về thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Ngọc năm 2023, Kế hoạch số 77/KH-BCĐ ngày 12/4/2023 về tập huấn chuyển đổi số cho các thành viên BCĐ và tổ công nghệ số cộng đồng, kết quả đạt được:

- Biên tập tuyên truyền chuyển đổi số: 13 bài; số buổi tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh 168 buổi bằng 504 lượt (03 lượt/01 buổi)
- Tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã Đến ngày 02/10/2023 tuyên truyền 78 tin về nội dung Chuyển đổi số.

Trong năm 2023 đã tham gia 8 hội nghị tập huấn về chuyển đổi số trong đó , trung ương 01, Sở Thông tin và Truyền thông 03 và UBND huyện 05 hội nghị

- Tổ chức 01 lớp tập huấn chuyển đổi số cho các thành viên BCĐ và tổ công nghệ số cộng đồng. Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về công tác chuyển đổi số do huyện, tỉnh tổ chức.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Một số cán bộ, công chức chưa chú trọng nhiều đến nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Chưa bố trí nguồn kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ chuyển đổi số.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Mô hình Camera an ninh được thực hiện tốt, đến nay trên toàn xã có 28 vị trí lắp đặt giám sát với 36 mắt Camera giám sát với đến 7/7 thôn và các khu vực trọng điểm của xã, hệ thống được kết nối đến công an xã để quản lý và giám sát

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác tuyên truyền về những sáng kiến chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục

2. Thể chế số

2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

UBND xã, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số xã ban hành 54 văn bản: trong đó 11 kế hoạch; 04 Quyết định; 15 thông báo; 03 hướng dẫn; 08 Công văn; 03 báo cáo; 01 giấy mời; 08 phiếu chuyển; trong đó có các kế hoạch thực hiện chỉ tiêu chuyển đổi số như:

- Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 19/5/2022 về Tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

- Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 24/11/2022 về Chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Ngọc năm 2023

- Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 16/02/2023 về Thực hiện hoàn thành chỉ tiêu Chuyển đốitrên địa bàn xã C ả Cẩm Ngọc năm 2023 Theo Quyết định 969/QĐ-UBND ngày 18/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 08/3/2023 về Thực hiện tuyên truyền Chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Ngọc năm 2023

- Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 04/7/2023 về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Cẩm Ngọc

- Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 14/10/2023 về Phát triển hạ tầng số trên địa bàn xã Cẩm Ngọc giai đoạn 2023 – 2025

b) Tồn tại, hạn chế: Một số văn bản nội dung chưa cụ thể chi tiết, chưa đánh giá được tình hình thực tế ở địa phương

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022

a) Kết quả đạt được: Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã Cẩm Ngọc thành lập ngày 22 tháng 4 năm 2022 gồm 22 thành viên, năm 2023 do thay đổi một số nhân sự nên đã được kiện toàn theo quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về Kiện toàn BCD chuyển đổi số năm 2023

Ban chỉ đạo đã ban hành Quyết định số QĐ số 01/QĐ-BCĐ, ngày 09/01/2023 của BCĐ xã về Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã Cẩm Ngọc, phân công các thành viên phụ trách đầu mỗi hướng dẫn các tổ công nghệ.

Ban chỉ đạo xã tham mưu giúp UBND xã triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã. gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn xã.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan.

b) Tồn tại, hạn chế:

Thành viên Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nên công tác tham mưu đôi lúc chưa kịp thời.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được: Đến nay 100% các máy tính của cán bộ, công chức được kết nối mạng (LAN) và Internet.

Hạ tầng trang thiết bị CNTT đối với xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị trên địa bàn UBND xã gồm:

Tổng số máy tính hiện có: 20 máy

Tổng số máy in là: 20 máy.

Tổng số máy scan: 01 máy.

Hệ thống phòng họp trực tuyến được lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp.

Trên địa bàn xã có 01 bưu điện văn hóa xã, hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, chuyển phát văn bản của tổ chức và nhân dân.

Có 05 trạm thu phát sóng của VNPT, Viettel, Mobifone với độ phủ sóng tốt, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng tăng của mọi tầng lớp nhân dân, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, các chính sách an sinh xã hội của tỉnh. Cùng với đầu tư cơ sở vật chất,

Hạ tầng viễn thông, Internet trên địa bàn được các doanh nghiệp viễn thông đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng lưới với công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ đến tất cả các thôn, góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Cấp ủy Đảng, Chính quyền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, cũng như nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân trên địa bàn xã

Về cơ bản hạ tầng, trang thiết bị đủ đáp ứng nhu cầu triển khai thực hiện công tác thông tin và truyền thông trên môi trường mạng.

b) Tồn tại, hạn chế: một số máy tính, máy in của cán bộ công chức đã có cấu hình thấp nên trong quá trình xử lý công việc còn hạn chế.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được: Hiện nay, việc triển khai các ứng dụng CNTT của cán bộ công chức chuyên môn, các trường học, Trạm y tế trong xã đã có nhiều chuyển biến tích cực; ngoài việc triển khai các ứng dụng dùng chung, bộ phận chuyên môn, trường, trạm còn triển khai các ứng dụng chuyên ngành, xây dựng hệ thống dữ liệu riêng nhằm phục vụ công tác quản lý.

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Triển khai sử dụng thống nhất các phần mềm quản lý trường học Vnedu, Smas, Misa; Sở liên lạc điện tử.

Lĩnh vực Y tế: Đã triển khai các phần mềm quản lý His, phần mềm tiêm chủng mở rộng, phần mềm quản lý tiêm Covid, phần mềm quản lý vệ sinh môi trường, phần mềm quản lý các bệnh mãn tính không lây

Lĩnh vực Tư pháp: Triển khai các phần mềm Chứng thực điện tử, Hộ tịch, Biên lai điện tử, Một cửa điện tử

Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội: triển khai sử dụng các phần mềm quản lý trẻ em, Phần mềm quản lý bảo trợ xã hội, phần mềm quản lý hộ nghèo, cận nghèo (Mistosasost)

Công an: Triển khai sử dụng phần mềm quản lý hành chính, phần mềm quản lý giao thông.

Địa chính XD: Phần mềm quản lý bản đồ

Kế toán: triển khai sử dụng phần mềm VCS, phần mềm bảo hiểm, phần mềm Biên lai điện tử

Văn hoá XH: Phần mềm báo cáo truyền thanh cơ sở.

b) Tồn tại, hạn chế: Đôi lúc vào phần mềm hay bị lỗi, cán bộ công chức sử dụng chưa thành thạo.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được: Duy trì hoạt động hiệu quả các phần mềm dùng chung của Tỉnh như: Phần mềm Quản lý văn bản & Hồ sơ công việc, Theo dõi nhiệm vụ, Thư điện tử công vụ, Một cửa điện tử.

Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (phần mềm dùng chung): 100% văn bản được thực hiện trên môi trường mạng, trao đổi giữa UBND xã và UBND Huyện đều thực hiện ký số. Xã và các phòng, ngành kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia để gửi, nhận văn bản

Duy trì cập nhật, bổ sung đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã và đăng tải đầy đủ các lĩnh vực hoạt động, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND trên trang/cổng thông tin điện tử xã

Các công chức chuyên môn tại UBND xã thực hiện tốt các phần mềm chuyên ngành như Phần mềm Quản lý quản lý hành chính, quản lý giao thông, quản lý bản đồ, quản lý VCS, quản lý bảo hiểm, vv...

Trang Thông tin điện tử xã (<https://camngoc.camthuy.thanhhoa.gov.vn>) thường xuyên được đổi mới về nội dung, giao diện, hoạt động ổn định, cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang Thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế: các nền tảng chưa thực sự phát huy hết hiệu quả. Trang thông tin điện tử chưa cập nhật được nhiều tin bài

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được: Đối với cấp xã không có công chức về CNTT, vì vậy UBND xã đang giao cho giao cho công chức Văn hóa phụ trách việc triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng đối với 7/7 thôn trên địa bàn xã.

b) Tồn tại, hạn chế: Cán bộ phụ trách lĩnh vực CNTT kiêm nhiệm không có chuyên môn sâu về CNTT do đó trong quá trình tổ chức thực hiện việc cập nhật các ứng dụng phần mềm khi triển khai thực hiện còn chậm, lúng túng. Không có nhiều thời gian nghiên cứu các ứng dụng

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được: Sau khi nhận được các văn bản của UBND huyện về công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; UBND xã đã ban hành các văn bản nhằm tăng cường an toàn thông tin mạng, đồng thời phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng trong đơn vị.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng được tăng cường và triển khai đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Cổng dịch công tỉnh; hệ thống một cửa điện tử cấp xã; hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD-Office).

b) Tồn tại, hạn chế: Cán bộ phụ trách lĩnh vực CNTT kiêm nhiệm không có chuyên môn sâu về CNTT do đó việc cập nhật các ứng dụng thiết lập và bảo vệ an ninh mạng còn hạn chế.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Về cấp chứng thư số cá nhân cho người có thẩm quyền ký văn bản.
- + 100% các đồng chí lãnh đạo, người có thẩm quyền ký văn bản của UBND xã đã được cấp chứng thư số.
- + 100% cán bộ, công chức xã, có liên quan đã được cấp hộp thư công vụ cá nhân.
- + 100% cán bộ công chức xã được cấp thiết bị ký số cá nhân thuộc 25 dịch vụ công thiết yếu.

- Về thực hiện sử dụng Phần mềm QLVB & HSCV trên phần mềm TDOOffice.(số liệu tính đến ngày 31/10/2023)

+ Xã đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử

Tỷ lệ văn bản đi có ký số cơ quan trên văn bản điện tử đạt 100 %

Tỷ lệ văn bản đi có ký số lãnh đạo trên văn bản điện tử đạt 100 %.

- Hệ thống phòng họp trực tuyến được lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4. (Số liệu tính đến 31/10/2023);

Số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến qua mạng: 304 hồ sơ; hồ sơ chứng thực điện tử 215 hồ sơ, hồ sơ giải quyết mức độ 3, 4 là 129 hồ sơ.

Hệ thống Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh và phần mềm Một cửa điện tử hoạt động ổn định, hiệu quả, công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Trang thông tin điện tử của xã, các ứng dụng trên điện thoại thông minh thường xuyên cập nhật thông tin, từ đó giúp tăng cường công tác, chỉ đạo, điều hành và tương tác giữa chính quyền với người dân...

Duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Về cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa của xã còn thiếu 01 máy Scan

- Công chức làm công tác kiểm soát TTHC của xã, làm việc kiêm nhiệm, thực hiện nhiều nhiệm vụ, kiểm soát TTHC chưa được tập huấn chuyên sâu, ảnh hưởng đến kết quả kiểm soát TTHC của đơn vị.

9. Kinh tế số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- Các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ có lợi thế của xã được quảng bá qua mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội, zalo, facebook, fanpage).

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.

- Chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh: Hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh và người dân có ứng dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

b) Tồn tại, hạn chế: Các sản phẩm tiềm năng, sản phẩm lợi thế của địa phương không có nhiều, chủ yếu là các sản phẩm thô chưa qua sơ chế, chế biến, bảo quản, vậy xã chưa chọn được sản phẩm để đăng ký sản phẩm Ocop với huyện.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được: Việc thực hiện phát triển xã hội số các trường học trên địa bàn xã đã triển khai các phần mềm trong hệ sinh thái giáo dục thông minh như: phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Đến thời điểm hiện tại đã cài đặt định danh điện tử là 3,437/5804, bằng 59,2% đảm bảo lộ trình thực hiện Đề án số 06.

Đã tạo lập 6703/7017 người, bằng 95,5% hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn xã.

Có 28 vị trí lắp đặt giám sát với 36 mắt Camera giám sát với đến 7/7 thôn và các khu vực trọng điểm của xã, hệ thống được kết nối đến công an xã để quản lý và giám sát.

Trên địa bàn xã có 07/07 thôn, 07/07 cơ quan lắp đặt wifi miễn phí tại các nhà văn hóa phục vụ người dân truy cập internet.

Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt là 18 %

Số doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử trên địa bàn huyện 07/8 doanh nghiệp, bằng 88,8%

Số người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn là 2.897/3491 người, bằng 83 %

11. Kết quả thực hiện Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 10/6/2022

UBND xã ban hành Hướng dẫn số 02/HD-UBND 16/02/2023 về Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác

Công văn số 156/UBND-VHTT ngày 20/4/2023 hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký tài khoản, tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp

Thực hiện các đợt tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử đối với cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân thông qua các hình thức như: truyền hình, in ấn tờ rơi, băng rôn, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, website, các mạng xã hội zalo, facebook,...; tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng tham gia và bán hàng trên các sàn thương mại điện tử, vận động, hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đưa thông tin sản phẩm lên Sàn thương mại điện tử của tỉnh, các Sàn thương mại điện tử theo định hướng của Bộ Thông tin & Truyền thông (Postmart.vn và Voso.vn...).

12. Thực hiện chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số trong năm 2023:

Trong năm 2023, huyện Cẩm Thủy giao cho xã Cẩm Ngọc hoàn thành chuyển đổi số. Đến thời điểm hiện tại các chỉ tiêu đã hoàn thành theo hướng dẫn của Sở

Thông tin & Truyền thông đều được thực hiện đảm bảo tiêu chí đề ra. Hiện đang thực hiện tạo lập hồ sơ đề nghị công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số.

13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí dành cho các hoạt động chi thường xuyên về CNTT hàng năm 15 triệu đồng.

PHẦN II: NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Kế hoạch hành động số 63- KH/HU ngày 14/04/2022 của huyện ủy Cẩm Thủy về thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện;

Kế hoạch số 26KH/UBND ngày 11/02/2022 về việc Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cẩm Thủy;

Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND xã Cẩm Ngọc về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng năm 2030

Trên cơ sở căn cứ pháp lý và bám sát tình hình thực tế của xã, UBND xã Cẩm Ngọc xây dựng kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024 trên địa bàn xã, như sau:

II. MỤC TIÊU.

Chú trọng phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền số, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và an toàn dữ liệu trên địa bàn xã

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.
- Tổ chức các Hội nghị, hội thảo để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; Hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.
- Trang/cổng thông tin điện tử xã có số lượng tin bài trong năm đạt từ 23 đến 50 tin bài.
- Tần suất Đài truyền thanh xã phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số đạt 6 lần/ tháng.
- Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số
- Thường xuyên chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số trên địa bàn, trên kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên zalo và trên trang Câu

chuyện Chuyển đổi số (<https://t63.mic.gov.vn>) trên các nhóm zalo của cơ quan, đơn vị và tổ công nghệ số cộng đồng

- Kênh truyền thông “Chuyển đổi số” trên Zalo

- 100% cán bộ công chức, viên chức cấp xã, và các đơn vị sự nghiệp tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR, theo hướng dẫn của phòng Văn hóa và Thông tin xã.

2. Thẻ chế số

- Xây dựng các Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của xã, Kế hoạch 05 năm, giai đoạn về chuyển đổi số, Kế hoạch hằng năm của xã về chuyển đổi số, Hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên chuyển đổi số (SMEdx).

3. Hạ tầng số

- 100% Tỷ lệ cán bộ CBCC, VC được trang bị máy tính phục vụ công việc (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)

- 100% Tỷ lệ máy tính có kết nối Internet băng rộng (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật theo quy định)

- 100% Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng

- 100% Tỷ lệ thôn được phủ sóng di động 4G/5G.

- 100% Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ

- 90% Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh

- 100% Có hệ thống Camera an ninh trên địa bàn kết nối về UBND xã hoặc Công an xã để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành an toàn xã hội, an toàn giao thông,...

- 100% Triển khai các hệ thống Wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng (*như các điểm tham quan du lịch, công cộng, Bộ phận một cửa UBND cấp xã...*)

- Có hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến (*Không gồm hệ thống khối Đảng*)

- UBND cấp xã đã triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ.

4. Dữ liệu số.

- Phối hợp với các ngành cấp trên trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung các dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu theo ngành, lĩnh vực.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu của tỉnh và của quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

5. Nền tảng số

- Tích cực, chủ động đầu mối, phối hợp với các cơ quan chủ quản nền tảng số đã UBND tỉnh định hướng tại công văn số 8908/UBND-CNTT ngày 21/6/2022 và Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức triển khai sử dụng.

- Triển khai nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) phục vụ giám sát, cảnh báo; chỉ đạo, điều hành; phân tích và xử lý dữ liệu; quản lý chỉ số hiệu suất (KPIs); quản lý quy trình nghiệp vụ; báo cáo thống kê; mô phỏng và dự báo.

- Giúp lãnh đạo các cấp có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý một cách tổng thể với việc ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu hoặc trí tuệ nhân tạo; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội.

6. Nhân lực số

Xây dựng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã
- 100% Thôn có tổ công nghệ số cộng đồng.
- 100% Công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số
- 100% Công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số
- 50% Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (*hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở*).

7. An toàn thông tin mạng

- 100% các cơ trên địa bàn xã đảm bảo kết nối qua mạng truyền số liệu chuyên dùng.
 - 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.
 - Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.
- 50% trường tiểu học, THCS, và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn

8. Chính quyền số

- Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.
- 100% hồ sơ xử lý trực tuyến
- 100% Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT
- Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến từng thiết bị cá nhân
- 100% Lãnh đạo cấp xã được cấp chứng thư số
- 50% CBCC, VC được cấp chứng thư số của các đơn vị thuộc địa bàn xã
- 100% Văn bản điện tử được ký số của cơ quan, đơn vị ban hành văn bản
- 100% Văn bản điện tử được ký số của người có thẩm quyền
- 100% CBCC xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ
- Triển khai số hóa, xây dựng CSDL chuyên ngành

Thực hiện kiểm tra các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý thường xuyên.

9. Kinh tế số

- 10% Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh (DN) tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx)
- 50% Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số
- 80% Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử
- Điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định
- 5% Số hộ sản xuất nông nghiệp (SXNN), doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử
- 100% Sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Voso và Postmart.

10. Xã hội số

- Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra của địa phương, bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển xã hội số nêu tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử
- 80% Người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác
- Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền trên kênh trực tuyến.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền, hướng dẫn bộ quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức của công dân trên không gian mạng.
- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, trên hệ thống đài truyền thanh xã và trang/ cổng thông tin điện tử xã.
- Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp
- Các doanh nghiệp bưu chính tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử Postmart.vn, Voso.vn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn “Cầm nang mua bán hàng Online” phục vụ người dân trong phòng, chống Covid-19.

Tạo điều kiện, hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp Viễn thông - Công nghệ thông tin cung cấp, triển khai các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân; xây dựng, phát triển hạ tầng số, cung cấp dịch vụ số đảm bảo chất lượng

2. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên bố trí kinh phí phục vụ xây dựng Chính quyền số; bố trí nhân lực trực tiếp tham mưu, triển khai chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên về ứng dụng Công nghệ thông tin trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn hóa – xã hội:

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch và triển khai đến các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị và các thôn thực hiện nội dung kế hoạch.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các bộ phận, các cơ quan có liên quan và các thôn tổ chức triển khai, thực hiện theo nội dung kế hoạch về chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã.

- Xây dựng tin, bài tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã, trên trang thông tin điện tử của xã về chuyển đổi số, Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo định kỳ và khi có yêu cầu đột xuất.

2. Công chức Kế toán:

Căn cứ nội dung kế hoạch tham mưu cho UBND xã cân đối ngân sách bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Công chức Địa chính – xây dựng:

Triển khai hướng dẫn cho các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã về chuyển đổi số nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn xã dựa trên nền tảng sàn thương mại điện tử; hỗ trợ, chia sẻ những mô hình chuyển đổi, những kinh nghiệm, bài học thực tế cũng như đưa ra hướng giải pháp thực hiện chuyển đổi số hiệu quả cho các tổ chức, doanh nghiệp trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, góp phần mang lại những lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp, tích cực góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. Công chức Địa chính – Nông nghiệp:

- Triển khai, hướng dẫn cho Hợp tác xã về chuyển đổi số nhằm phổ biến, thông tin về lộ trình chuyển đổi số của tỉnh, huyện; của xã, chia sẻ, trao đổi về khả năng, nhu cầu, giải pháp và các chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trên các lĩnh vực phát triển nông nghiệp; qua đó HTX nhận biết về những lợi ích của chuyển đổi số và vận dụng chuyển đổi số trong kinh doanh, sản xuất... góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của xã.

5. Đối với các thôn:

Trên cơ sở nội dung kế hoạch này, tổ chức tuyên truyền đến cán bộ đảng viên, cán bộ công chức, viên chức và nhân dân trong thôn được biết, chỉ đạo tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, phối hợp với UBND xã, Ban chỉ đạo chuyển đổi số

xã định hướng những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng để đăng ký sản phẩm Ocop với huyện.

6. Đề nghị UB MTTQ và các đoàn thể xã:

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao trong kế hoạch này, đề nghị tích cực phối hợp với UBND xã, Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã; triển khai nội dung kế hoạch đến các thành viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân trong xã và đảm bảo sự phù hợp với các mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội toàn xã.

7. Các doanh nghiệp trên địa bàn:

Đề nghị các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; góp phần từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024. Chủ tịch UBND xã yêu cầu các bộ phận UBND xã, các thôn, các cơ quan, doanh nghiệp căn cứ các nội dung được giao nghiêm túc triển khai thực hiện, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả đạt được ứng với các nội dung được giao trong kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Phòng VH & TT huyện (b/c)
- TT Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ và các đoàn thể xã (p/h)
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND xã (t/h)
- Các cán bộ cơ quan xã (t/h)
- Các thôn và các cơ quan(T/h)
- Lưu VP, VH.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Huệ